

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **06** /2016/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **30** tháng 8 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

CÔNG VĂN  
Ngày 06 tháng 9 năm 2016

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005; Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ đến năm 2020; Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2162/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 05/8/2016 và Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về phát triển Du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ban văn hoá - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 với những nội dung như sau:

**1. Mục tiêu**

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển du lịch theo hướng phát huy mạnh mẽ, đồng bộ các tiềm năng, thế mạnh du lịch của tỉnh; tập trung đầu tư để thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm trung chuyên dịch vụ, du lịch chính của tỉnh; hình thành và tạo sự kết nối giữa các điểm, tuyến du lịch của tỉnh, cũng như với các khu, điểm du lịch của các tỉnh trong khu vực. Phần đầu sớm đưa du lịch là một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*b) Mục tiêu cụ thể:*

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đón 4.327.000 lượt khách, gồm: 397.000 lượt khách quốc tế và 3.930.000 lượt khách nội địa (trong đó, năm 2020 đón 1.129.000 lượt khách, gồm: 103.000 lượt khách quốc tế và 1.026.000 lượt khách nội địa). Tổng doanh thu từ du lịch đạt 4.300 tỷ đồng (trong đó, năm 2020 đạt 1.330 tỷ đồng); tốc độ tăng trưởng bình quân 25,93%/năm;

- Ngày lưu trú bình quân của khách du lịch đạt 02 ngày/khách; tốc độ tăng trưởng bình quân khách du lịch đạt 15,05%/năm;

- Tạo ra 16.300 việc làm, trong đó số lao động trực tiếp là 5.100 người. Tốc độ tăng trưởng lao động trực tiếp đạt 0,40%/năm;

- Công nhận từ 01 đến 02 khu du lịch địa phương, từ 03 đến 05 điểm du lịch địa phương và một số tuyến du lịch địa phương.

**2. Các nhiệm vụ trọng tâm**

a) Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; lập quy hoạch chi tiết các khu du lịch, điểm du lịch để đầu tư và kêu gọi đầu tư nhằm khai thác tốt tài nguyên du lịch của tỉnh; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch và sản phẩm du lịch mới;

b) Tập trung đầu tư và khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư xây dựng có tính đặc thù của tỉnh nói chung và thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng; xây dựng và triển khai thực hiện đề án: "Chiến lược xây dựng thương hiệu du lịch Đắk Lắk nói chung và Buôn Ma Thuột nói riêng"; xây dựng và triển khai Đề án: "Thiết kế quà lưu niệm đặc trưng của tỉnh Đắk Lắk";

c) Xây dựng các chương trình quảng bá, xúc tiến và đẩy mạnh việc liên kết hợp tác phát triển du lịch; hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng, liên quốc gia; xây dựng và triển khai các quy định, phương án về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; quy chế quản lý môi trường; tổ chức đường dây nóng tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, đặc biệt là khu, điểm du lịch có dịch vụ sông, hồ, thác nước;

d) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch cho ngành du lịch về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, kể cả tiếng dân tộc thiểu số;

đ) Xây dựng cơ chế chính sách và cải cách hành chính để thu hút đầu tư vào phát triển du lịch;

e) Nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước về du lịch; tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân hiểu về vị trí, vai trò của ngành Du lịch trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### 3. Các giải pháp thực hiện

#### a) Giải pháp về lập quy hoạch, đầu tư phát triển du lịch

Khẩn trương xây dựng, điều chỉnh, hoàn thành và công bố rộng rãi thông tin về quy hoạch du lịch đã được phê duyệt;

Tăng cường hỗ trợ nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai dự án; tập trung rà soát theo dõi tiến độ, tháo gỡ vướng mắc, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh du lịch đã được cấp giấy chứng nhận; đáp ứng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch theo thứ tự ưu tiên; tập trung hoàn chỉnh hệ thống giao thông kết nối với các tỉnh, thành phố trong nước; xây dựng các bến bãi, điểm trung chuyển và tổ chức vận tải hành khách thuận lợi trong đô thị, mạng lưới giao thông nối tới các khu, điểm du lịch.

#### b) Giải pháp về phát triển đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chương trình du lịch

Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch lễ hội, du lịch vui chơi giải trí, du lịch MICE (hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm) tại thành phố Buôn Ma Thuột, du lịch tham quan các làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Voi; xây dựng trung tâm ẩm thực và xây dựng được văn hóa ẩm thực đặc sắc tại thành phố Buôn Ma Thuột;

Phát triển các sản phẩm lưu niệm mang đậm bản sắc đặc trưng (ưu tiên các sản phẩm được chế tác từ gỗ, cà phê, các mặt hàng dệt truyền thống gắn với văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc tại chỗ).

#### c) Giải pháp về quảng bá, xúc tiến và liên kết hợp tác phát triển du lịch

Tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch gắn liền với các sự kiện văn hóa, lễ hội, thể dục thể thao, hội chợ, hội nghị, hội thảo. Xây dựng và triển khai hệ thống hỗ trợ khách du lịch;

Mở rộng liên kết vùng với các tỉnh Tây Nguyên; liên kết với các tỉnh, thành phố khác trong nước có thể mạnh về phát triển du lịch.

#### d) Giải pháp về bảo vệ và cải thiện môi trường du lịch

Thành lập và tổ chức duy trì đường dây nóng nhằm hỗ trợ khách du lịch, kịp thời khắc phục sự cố; xây dựng và duy trì nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;

Đảm bảo tốt an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, các tuyến du lịch, khu du lịch, điểm du lịch và các cơ sở lưu trú du lịch, tạo môi trường an toàn, thân thiện;

Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm những vấn đề về ô nhiễm môi trường nhằm tạo cảnh quan, môi trường văn hóa.

*đ) Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục*

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của ngành du lịch, môi trường du lịch đến các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và từng người dân, đặc biệt là dân cư sinh sống tại các khu, điểm du lịch;

Tạo điều kiện tốt nhất để người dân tham gia vào các hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; qua đó, tạo điều kiện tăng thêm thu nhập một cách bền vững từ hoạt động du lịch.

*e) Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch*

Tìm nguồn kinh phí, nguồn tài trợ và tìm đối tác tư vấn, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo thực hiện các khóa đào tạo về hoạt động du lịch. Cùng cố vai trò hoạt động của Hiệp hội du lịch Đắk Lắk trong việc phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu cho các doanh nghiệp du lịch;

Xây dựng Trung tâm ngoại ngữ cộng đồng tại thành phố Buôn Ma Thuột nhằm đào tạo, bồi dưỡng chất lượng ngoại ngữ cho nhân viên ngành du lịch và cộng đồng địa phương đáp ứng nhu cầu của thời kỳ hội nhập;

Khuyến khích phát triển và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của các nghệ nhân, các hoạt động văn hóa cộng đồng, làng nghề truyền thống và các lễ hội văn hóa phục vụ du lịch. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng kiến thức giao tiếp, ứng xử cho đồng bào và nhân dân ở các khu, điểm du lịch; tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch cho cán bộ các phòng, ban liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*g) Giải pháp về cơ chế, chính sách và thu hút các nguồn vốn đầu tư*

Tăng cường kêu gọi đầu tư xã hội hoá để phát triển du lịch; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước đối với doanh nghiệp; tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý đầu tư, tạo môi trường thông thoáng về đầu tư phát triển du lịch, đơn giản hoá thủ tục hành chính và phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước trên cơ sở tạo sự bình đẳng trong đầu tư.

*h) Giải pháp về nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước về du lịch*

Đẩy mạnh hoạt động của Ban chỉ đạo Phát triển du lịch của tỉnh; củng cố bộ máy, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Ban hành quy chế quản lý ở các khu, điểm du lịch, quản lý chất lượng dịch vụ du lịch;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong hoạt động quy hoạch, đầu tư, kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh.

#### 4. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí khoảng 9.361.834 triệu đồng (Chín ngàn, ba trăm sáu mươi một tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu đồng). Trong đó :

- Nguồn kinh phí đầu tư phát triển: Khoảng 9.289.834 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 99,23% (gồm: Ngân sách Trung ương 420.297 triệu đồng, ngân sách tỉnh 57.742 triệu đồng, ngân sách huyện 15.100 triệu đồng, nguồn xã hội hóa 8.796.695 triệu đồng);

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 72.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,77% (gồm: Ngân sách tỉnh 46.500 triệu đồng, nguồn khác 25.500 triệu đồng).

*(Có dự toán kinh phí nguồn ngân sách tỉnh kèm theo)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Vp HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P. Ct HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Y Biêr Niê**

**DỰ TOÁN NGUỒN KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH TỈNH**

**ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*



TT	Tên dự án	Nguồn vốn (triệu đồng)				
		Tổng cộng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>1</b>	<b>Nguồn kinh phí đầu tư phát triển</b>	<b>57.742</b>	<b>29.589</b>	<b>10.405</b>	<b>9.465</b>	<b>8.283</b>
1	Dự án xây dựng Bộ phận hỗ trợ khách du lịch tại thành phố Buôn Ma Thuột	2.500	1.500	1.000		
2	Dự án xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn	50	50			
3	Dự án tôn tạo và khai thác giá trị di tích phục vụ du lịch	10.000	4.000	2.000	2.000	2.000
4	Dự án phát triển du lịch cộng đồng	30.000	10.000	7.000	7.000	6.000
5	Dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch (Thực hiện theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 22/7/2015)	2.986	1.833	405	465	283
6	Lập Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Yok Đôn (thực hiện theo văn bản số 2824/BVHTTDL-KHTC ngày 22/7/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.500	1.500			

7	Kè chống sạt lở bờ sông Sêrêpôk (đoạn qua Buôn Trí A), khu du lịch Buôn Đôn	10.706	10.706			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>46.500</b>	<b>14.000</b>	<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.500</b>
1	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch	7.000	2.000	2.000	1.500	1.500
2	Kinh phí hỗ trợ xúc tiến, quảng bá du lịch	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000
3	Kinh phí xây dựng thương hiệu du lịch Đăk Lăk	8.000	3.000	2.000	1.000	2.000
4	Kinh phí phát triển sản phẩm lưu niệm du lịch của tỉnh Đăk Lăk	1.500	1.000		500	
5	Kinh phí bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch	10.000	3.000	3.000	2.000	2.000
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>104.242</b>	<b>43.589</b>	<b>22.405</b>	<b>19.465</b>	<b>18.783</b>